

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

PHẠM VĂN PHIÊM

**TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ THEO
LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**
(TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG)

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN NGỌC CHÍ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục từ viết tắt

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRANH TỤNG	
TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ.....	8
1.1. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TỔ TỤNG TRANH TỤNG.....	8
1.1.1. Sự ra đời của mô hình tổ tụng tranh tụng	8
1.1.2. Khái niệm mô hình tổ tụng tranh tụng.....	10
1.1.3. Những ưu điểm và hạn chế của mô hình tổ tụng hình sự tranh tụng	11
1.2. VAI TRÒ CỦA TRANH TỤNG TRONG QUÁ TRÌNH XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ.....	17
1.2.1. Xét xử là biểu hiện tập trung, tiêu biểu nhất quyết định hiệu quả của tranh tụng trong quá trình giải quyết vụ án	18
1.2.2. Điều khiển tranh tụng tại phiên tòa giữa các bên thông qua vai trò của Hội đồng xét xử	22
1.2.3. Ra các phán quyết về tội phạm và người phạm tội dựa trên kết quả tranh tụng tại tòa	25
1.3. TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	27
1.3.1. Tổ tụng tranh tụng tại một số nước theo hệ thống Common law.....	27
1.3.2. Áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong tổ tụng hình sự - Điểm cơ bản trong quá trình cải cách tư pháp của nhiều quốc gia trên thế giới	32
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ	38
2.1. QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ	38
2.1.1. Pháp luật tổ tụng hình sự Việt Nam về tranh tụng trong xét xử trước 2003	38
2.1.2. Quy định của Pháp luật tổ tụng hình sự hiện hành về tranh tụng trong xét xử	43
2.2. THỰC TIỄN TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG	50

2.2.1.	Một số đặc điểm tình hình kinh tế - Xã hội và tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông	50
2.2.2.	Tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.....	53
2.2.3.	Những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, xã hội, tổ chức ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng trong xét xử	54
2.2.4.	Tình hình xét xử từ năm 2010 – 2014 trên địa bàn Tỉnh Đắk Nông	56
2.2.5.	Tình hình tham gia tranh tụng của luật sư tại phiên tòa ở Đắk Nông.....	60
2.2.6.	Một số phiên toà điển hình của việc xét xử theo hướng tranh tụng tại Đắk Nông	62
2.3.	NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ.....	66
2.3.1.	Về pháp luật	66
2.3.2.	Nguyên nhân khác.....	72
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ		76
3.1.	SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ	76
3.1.1.	Bất cập qui định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử	76
3.1.2.	Hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của nguyên tắc bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa	78
3.1.3.	Yêu cầu triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng về chiến lược cải cách tư pháp và Hiến pháp 2013.....	81
3.2.	HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2003 VỀ BẢO ĐẢM TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ.....	83
3.2.1.	“Bảo đảm tranh tụng trong xét xử” phải được qui định là nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự	83
3.2.2.	Bổ sung, hoàn thiện các qui định hỗ trợ cho việc “ bảo đảm tranh tụng trong xét xử”	84
3.2.3.	Các giải pháp nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa	90
KẾT LUẬN		98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		101

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, việc xét xử và ra các bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật có ý nghĩa quyết định và góp phần phát huy được vai trò tích cực là một bộ phận cấu thành không thể thiếu trong hệ thống các biện pháp tác động của Nhà nước và xã hội đến tội phạm. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển toàn diện của đất nước trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và qua thực tiễn áp dụng, nhiều quy định về tranh tụng trong xét xử theo luật Tố tụng hình sự Việt Nam nói riêng của BLTTHS năm 2003 vẫn còn một số bất cập và hạn chế như: chưa đưa ra định nghĩa pháp lý của khái niệm tranh tụng tại phiên tòa, những quy định cụ thể của tranh tụng tại phiên tòa... đồng thời cần bổ sung quy định của BLTTHS sự với nội dung tăng cường việc tranh tụng tại phiên tòa v.v....

Trước yêu cầu của thực tế, đảm bảo sự dân chủ, bình đẳng, lấy lại niềm tin của người dân vào tòa án và nền công lý xã hội chủ nghĩa. Việc tiếp tục nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về tranh tụng trong xét xử theo luật Tố tụng hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng để làm sáng tỏ về mặt khoa học và đưa ra những giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của việc áp dụng những quy định đó không chỉ có ý nghĩa lý luận, thực tiễn và pháp lý quan trọng mà còn là lý do luận chứng cho sự cần thiết để chúng tôi lựa chọn đề tài "***Tranh tụng trong xét xử theo Luật tố tụng Hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Nông)***" làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Đã có nhiều bài viết, bài nghiên cứu và sách chuyên khảo đề cập đến vấn đề tranh tụng tại phiên tòa trong tố tụng Hình sự như:

Ở Việt Nam, khoa học luật tố tụng hình sự là một trong những ngành khoa học pháp lý phát triển nhất so với các ngành khoa học pháp lý khác, do đó, xét riêng về tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự, cho thấy có các công trình nghiên cứu tiêu biểu như sau:

TSKH Lê Cẩm và TS Nguyễn Ngọc Chí đồng chủ biên "*Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*", Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội, 2004. Tổng Anh Hào "*Về tranh tụng tại phiên tòa Hình sự*" trong tạp chí Tòa án số 5/2003; Hồ Nguyễn Quân "*Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa*" trong tạp chí Tòa án số 1/2014; PGS-TS Trần Văn Độ "*Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa*" Trong tạp chí khoa học pháp lý số 4/2004; Hồ Nguyễn Quân

"*Một số giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa Hình sự*" trong Tạp chí Tòa án số 01/2004. Nguyễn Thị Tuyết "*Kiểm sát viên tham gia tranh tụng tại phiên tòa hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp*" trong tạp chí Tòa án số 04/2010; v.v...

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khảo sát trên đây cho thấy, ở nước ta đã có một số công trình nghiên cứu cơ bản về các giải pháp nâng cao chất lượng về tranh tụng tại phiên tòa hình sự còn đối với việc nghiên cứu một cách toàn diện về tranh tụng trong xét xử theo luật Tố tụng Hình sự Việt Nam thì chưa có công trình nào đề cập đến.

Như vậy, tình hình nghiên cứu trên đây lại một lần nữa cho phép khẳng định việc nghiên cứu đề tài "***Tranh tụng trong xét xử theo Luật tố tụng Hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Nông)***" là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu các quy định của pháp luật về tranh tụng trong xét xử dưới khía cạnh lập pháp tố tụng hình sự và áp dụng chúng trong thực tiễn, từ đó luận văn đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về tranh tụng trong xét xử theo luật tố tụng hình sự Việt Nam, cũng như đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả của việc tranh tụng trong xét xử theo luật Tố tụng hình sự Việt Nam trong thực tiễn áp dụng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Từ cơ sở kết quả tổng hợp các quan điểm của các tác giả trong và ngoài nước về tranh tụng trong xét xử, luận văn nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề chung về tranh tụng trong xét xử theo Luật Tố tụng hình sự Việt Nam như: Khái niệm tranh tụng, đặc điểm của mô hình tranh tụng; ưu điểm và hạn chế của mô hình tranh tụng; Khái niệm tranh tụng trong xét xử vụ án Hình sự, nội dung, đặc điểm của tranh tụng trong xét xử Hình sự.

- Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Luật Tố tụng hình sự Việt Nam về tranh tụng trong xét xử ở Việt Nam từ sau Cách mạng tháng tám năm 1945 cho đến nay để rút ra những nhận xét, đánh giá;

- Nghiên cứu những quy định cụ thể về tranh tụng trong xét xử của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành của Việt Nam, từ đó rút ra những tồn tại, hạn chế của các quy định về tranh tụng trong xét xử trong luật Tố tụng Hình sự Việt Nam cần khắc phục;

- Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định về tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự theo luật Tố tụng Hình sự Việt Nam trên địa

bàn tỉnh Đắk Nông, đồng thời phân tích làm rõ những tồn tại, hạn chế xung quanh việc áp dụng và những nguyên nhân của nó;

- Từ đó đề xuất những định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định về Tranh tụng trong xét xử theo luật Tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành và nâng cao hiệu quả việc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự trong thực tiễn.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu và giải quyết những vấn đề xung quanh tranh tụng tại phiên tòa theo luật Tố tụng hình sự Việt Nam, kết hợp với việc nghiên cứu đánh giá tình hình tranh tụng tại phiên tòa trong thực tiễn xét xử các vụ án Hình sự của các Tòa án nhân cấp huyện và Tòa án nhân dân cấp tỉnh thuộc tỉnh Đắk Nông và những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để kiến nghị những giải pháp hoàn thiện luật thực định và nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa Hình sự trong thực tiễn.

Luận văn cũng có tham khảo những bài học kinh nghiệm lập pháp một số nước trong khi nghiên cứu tranh tụng trong xét xử.

Về thời gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn việc tranh tụng tại các phiên tòa Hình sự trong 05 năm (2010-2014) thuộc Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

4. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác-xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về vấn đề cải cách tư pháp.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp cụ thể và đặc thù của khoa học luật hình sự như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh... để tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

5. Những điểm mới và đóng góp của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn, vì đây là công trình nghiên cứu đầu tiên ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học về tranh tụng trong xét xử, mà trong đó giải quyết nhiều vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn liên quan tới tranh tụng trong xét xử theo luật Tố tụng hình sự Việt Nam. Những điểm mới cơ bản của luận văn là:

- Tổng hợp các quan điểm khoa học trong và ngoài nước về Tranh tụng trong xét xử để xây dựng nên khái niệm tranh tụng, tranh tụng trong xét xử vụ án Hình sự đảm bảo tính chính xác, khoa học, đồng thời chỉ ra

các đặc điểm cơ bản của tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự trong mối tương quan với một số thủ tục khác;

- Nghiên cứu chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của quá trình hình thành và phát triển của tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay;

- Nghiên cứu, đánh giá làm sáng tỏ bức tranh tình hình thực hiện việc tranh tụng tại các phiên tòa hình sự của Tòa án các cấp thuộc tỉnh Đắk Nông; những tồn tại, hạn chế của thực tiễn pháp luật và thực tiễn thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa cũng như những nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế đó;

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng và nâng cao hiệu quả của việc thực hiện tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp hiện nay ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, luận văn sẽ là một tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích dành cho không chỉ các nhà lập pháp mà còn cho các nhà nghiên cứu, các cán bộ giảng dạy pháp luật, các nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành Tư pháp hình sự tại các cơ sở đào tạo luật. Kết quả nghiên cứu của luận văn còn phục vụ cho việc trang bị những kiến thức chuyên sâu cho các cán bộ thực tiễn đang công tác tại các Cơ quan Viện kiểm sát, Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án hình sự được khách quan, có căn cứ và đúng pháp luật.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự.

Chương 2: Quy định của pháp luật và thực tiễn tranh tụng trong xét xử.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TỔ TỤNG TRANH TỤNG

1.1.1. Sự ra đời của mô hình tố tụng tranh tụng

Mô hình tố tụng hình sự của một Quốc gia được thể hiện trong Luật Tố tụng hình sự của Quốc gia đó phản ánh cách thức giải quyết vụ án hình

sự, từ việc xác định, chứng minh tội phạm đến phán quyết về tội phạm và trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Mô hình tố tụng hình sự phụ thuộc vào cơ sở kinh tế- chính trị- xã hội và nền pháp luật cũng như năng lực của các cơ quan tiến hành tố tụng mỗi Quốc gia. Đối với những nước theo hệ thống pháp luật Common Law thì việc tìm đến sự thật khách quan của vụ án được coi là mục tiêu tối quan trọng và các Cơ quan tiến hành tố tụng có địa vị tích cực, chủ động trong quá trình tìm kiếm sự thật đó. Tuy cũng hướng đến mục tiêu tìm đến sự thật khách quan nhưng các nước theo dòng pháp luật Civil Law lại đặc biệt coi trọng đến quyền con người và địa vị bình đẳng giữa các bên trong quá trình tố tụng.

1.1.2. Khái niệm mô hình tố tụng tranh tụng

Trên thế giới, hiện đang tồn tại nhiều loại mô hình tố tụng khác nhau, trong đó có hai mô hình tố tụng chính là: *Thứ nhất, về mục tiêu và phương pháp tố tụng sử dụng trong quá trình giải quyết vụ án; Thứ hai, về vị trí, vai trò, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tố tụng; Thứ ba, về vấn đề chứng cứ và chứng minh tội phạm:*

Từ những đặc điểm nêu trên có thể đưa ra khái niệm về mô hình tố tụng tranh tụng như sau: *Tố tụng tranh tụng là mô hình tố tụng hình sự mà ở đó xuất hiện bên buộc tội và bên gỡ tội có địa vị pháp lý ngang bằng nhau trong quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án và toà án sẽ ra phán quyết dựa trên kết quả tranh tụng giữa các bên tại phiên toà.*

1.1.3. Những ưu điểm và hạn chế của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng

1.1.3.1. Ưu điểm

Ưu điểm của mô hình tố tụng tranh tụng thể hiện ở những khía cạnh sau:

- *Mô hình tố tụng tranh tụng có một quy trình tố tụng công bằng, nhất là trong giai đoạn xét xử với vai trò bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa. Cả hai chủ thể này đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong suốt quá trình tố tụng. Ở giai đoạn tiền xét xử, họ có quyền như nhau trong việc điều tra, thu thập chứng cứ.*

- *Tôn trọng và bảo đảm quyền con người hơn trong quá trình tố tụng so với các mô hình tố tụng hình sự khác*

- *Mô hình tố tụng tranh tụng hạn chế tối đa việc làm oan người vô tội*

1.1.3.1. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm thì mô hình tố tụng tranh tụng có những hạn chế sau:

- *Dễ bỏ lọt tội phạm*

- *Mô hình tố tụng tốn kém*

- *Vai trò của thẩm phán và hội thẩm ít được phát huy*

- *Mô hình tố tụng tranh tụng chưa quan tâm đúng mức đến lợi ích công*

1.2. VAI TRÒ CỦA TRANH TỤNG TRONG QUÁ TRÌNH XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

Giải quyết vụ án công khai, dân chủ, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đảm bảo công lý, công bằng là trách nhiệm không chỉ thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng mà còn là quyền của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, đồng thời cũng là đòi hỏi của xã hội.

1.2.1. Xét xử là biểu hiện tập trung, tiêu biểu nhất quyết định hiệu quả của tranh tụng trong quá trình giải quyết vụ án

1.2.2. Điều khiển tranh tụng tại phiên tòa giữa các bên thông qua vai trò của Hội đồng xét xử

1.2.3. Ra các phán quyết về tội phạm và người phạm tội dựa trên kết quả tranh tụng tại tòa

1.3. TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

1.3.1. Tổ tụng tranh tụng tại một số nước theo hệ thống Common law

1.3.1.1. Vương quốc Anh

Cũng giống như tất cả các nước theo hệ tố tụng tranh tụng khác, phiên tòa ở Anh quốc cũng có sự tham gia của công tố viên, bồi thẩm đoàn, thẩm phán chủ tọa và luật sư bào chữa. Tòa hoàng gia của Anh có thẩm phán và 12 bồi thẩm, ở các tòa khác bồi thẩm được bầu theo đơn vị bầu cử, số lượng bồi thẩm căn cứ vào sự trung cầu ý kiến nơi bầu họ. Ở Anh, bồi thẩm đoàn chỉ có quyền khẳng định là bị cáo có tội hay không có tội, trong trường hợp bị cáo tự thú tội thì phiên tòa xét xử sẽ không cần có sự tham gia của bồi thẩm đoàn. Mỗi phòng xét xử ở Anh có một camera quay trực tiếp và khi xét xử, công tố viên không được đề nghị mức án, khác với ở Mỹ, công tố viên ở Anh chỉ trình bày lại các nội dung tình tiết của vụ án cho tòa nghe. Cơ quan công tố ở Anh không phải là cơ quan độc lập như ở một số quốc gia vì họ có thể hôm nay làm công tố, hôm sau làm bào chữa viên.

1.3.1.2. Hoa Kỳ

Hoa Kỳ tuy là một quốc gia có lịch sử không lâu đời lại là lại là thuộc địa trước đây của người Anh điêng nhưng hiện nay xét trên bất cứ phương diện nào Hoa Kỳ cũng không hề thua kém các nước Châu Âu lục địa. Nền tư pháp của Hoa Kỳ là một ví dụ điển hình, tuy tố tụng tranh tụng có khởi nguồn từ nước Anh nhưng lại được tiếp thu và phát huy một cách rực rỡ tại Hoa Kỳ và có thể nói rằng Hoa Kỳ có một hệ tố tụng hình sự rất điển hình và tiên bộ.

1.3.1.3. Ostraylia

Cũng giống như Hoa Kỳ, hệ tố tụng hình sự của Ostraylia cũng là hệ

tổ tụng tranh tụng nên theo luật pháp của nước này, luật sư bào chữa được tiến hành công việc của một điều tra viên trước khi phiên toà xét xử diễn ra nhằm chuẩn bị cho phần biện hộ của mình. Luật đòi hỏi bên công tố phải cung cấp cho bị can một số tài liệu liên quan đến vụ án. Tại phiên toà, vai trò của công tố viên rất quan trọng, việc có bảo vệ được cáo trạng hay không phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của công tố viên, nếu công tố viên không bảo vệ được lời buộc tội của mình thì cáo trạng rất dễ bị đổ.

1.3.2. Áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự - Điểm cơ bản trong quá trình cải cách tư pháp của nhiều quốc gia trên thế giới

Tổ tụng thẩm vấn là một hệ tố tụng truyền thống của các nước theo Civil law. Nhưng thời gian dần trôi đã chứng minh rằng trong một thế giới đề cao quyền con người thì kiểu loại tố tụng này dường như không còn phù hợp nữa. Trong quá trình thực hiện công cuộc cải cách tư pháp, nhiều quốc gia trên thế giới đã tìm thấy ở hệ tố tụng tranh tụng rất nhiều điểm hợp lý để thay thế cho những nhược điểm cố hữu của hệ tố tụng thẩm vấn. Tuy không sao chép y nguyên hệ tranh tụng vào trong hoạt động tố tụng hình sự của nước mình nhưng tiếp thu những hạt nhân hợp lý của nguyên tắc tranh tụng đã làm cho hoạt động tố tụng hình sự ở các nước này đổi mới khởi sắc hơn.

1.3.2.1. Cộng hoà Pháp

Trong nghiên cứu của luật so sánh, Pháp được xếp vào các nước theo truyền thống pháp luật Châu Âu lục địa. Trước đây, cũng như nhiều quốc gia khác, tố tụng hình sự ở Pháp được bắt đầu từ mô hình đối tụng. Nhưng khi xã hội phát triển đến một giai đoạn nhất định thì nhà nước ngày càng giữ một vai trò quan trọng trong phòng chống tội phạm, chính vì lẽ đó mô hình thẩm tra đã thay thế mô hình đối tụng ở hầu hết các nước Châu Âu lục địa. **Nhật Bản**

Nhật Bản là một quốc gia ở Đông Á với truyền thống thuộc hệ thống pháp luật Civil law nhưng hiện nay trong nền tư pháp Nhật Bản đã thấy xuất hiện rất nhiều những hoạt động đặc trưng của hệ tố tụng tranh tụng.

1.3.2.2. Trung Quốc

Cũng giống như Việt Nam, Trung Quốc theo mô hình Xã hội chủ nghĩa nên đã từ lâu nay hoạt động tố tụng hình sự của Trung Quốc đều được tổ chức theo kiểu tố tụng thẩm vấn nhưng với một đất nước rộng lớn và nhiều tiềm năng như Trung Quốc thì trong quá trình hội nhập kiểu tố tụng này ngày càng bộc lộ nhiều thiếu sót vì lẽ đó, Trung Quốc đã quyết định thực hiện công cuộc cải tổ nền tư pháp của mình.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ

2.1. QUI ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ

2.1.1. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tranh tụng trong xét xử trước 2003

2.1.1.1. Quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về tranh tụng tại phiên tòa trước khi có BLTTHS năm 1988

Sau khi Nhà nước ta ban hành Hiến pháp 1959 và các luật tổ chức Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, đến năm 1964 căn cứ vào các quy định của pháp luật, những kinh nghiệm thực tiễn của gần 20 năm thực tiễn tiến hành tố tụng và việc tham khảo học tập pháp luật tố tụng của Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Tòa án nhân dân Tối cao đã hệ thống lại các quy định của pháp luật tố tụng lúc bấy giờ thành Bản đề án về trình tự xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, trong đó có quy định tương đối cụ thể về hình thức và thủ tục tiến hành tố tụng tại phiên tòa của Tòa án nhân dân, để gửi về các Tòa án nhân dân địa phương thống nhất áp dụng.

2.1.1.2. BLTTHS năm 1988 với những quy định về tranh tụng tại phiên tòa

BLTTHS Việt Nam năm 1988 tranh tụng tại phiên tòa chưa được nhà làm luật nước ta ghi nhận với tính chất là một nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự nhưng những dấu hiệu về tranh tụng cũng đã được quy định rải rác ở một số điều luật. Ví dụ như một vài điều ở chương XVII quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa, một số điều tại chương XVIII thủ tục bắt đầu phiên tòa, chương XX thủ tục xét hỏi tại phiên tòa, chương XXI tranh luận tại phiên tòa. Điều 159 quy định về việc xét xử phải trực tiếp, bằng lời nói và liên tục, đây thực chất cũng là một nguyên tắc của tranh tụng.

2.1.2. Quy định của Pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về tranh tụng trong xét xử

Đặc biệt tại BLTTHS năm 2003 khi quy định về tranh luận và đối đáp tại phiên tòa đã có những quy định mới đảm bảo cho việc luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa được khách quan- điều 217: “*Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa*” [27]. Và để đảm bảo cho quá trình tranh tụng tại phiên tòa được khách quan, sau khi nghe lời luận tội bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền

2.2. THỰC TIỄN TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

2.2.1. Một số đặc điểm tình hình kinh tế - Xã hội và tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

2.2.1.1. Về điều kiện tự nhiên

Tỉnh Đắk Nông được thành lập từ ngày 01/01/2004 theo Nghị Quyết số 23/2003/QH11 ban hành ngày 26/11/2003 của Quốc Hội trên cơ sở chia tách tỉnh Đắk Lắk thành hai tỉnh Đắk Lắk và tỉnh mới Đắk Nông. Đắk Nông nằm ở cửa ngõ phía tây nam của Tây Nguyên, nằm trong vùng tọa độ từ 11°45' đến 12°50' vĩ độ bắc và từ 107°12' đến 108°07' kinh độ đông, có tổng diện tích tự nhiên là 6.514 km². Trung tâm tỉnh Đắk Nông nằm cách thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với chiều dài 125 km theo đường quốc lộ 14, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 230 km về phía nam. Phía bắc và đông bắc của Đắk Nông giáp với địa phận tỉnh Đắk Lắk, phía đông và đông Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía nam giáp tỉnh Bình Phước, đồng thời phía tây tỉnh Đắk Nông giáp với Vương Quốc Campuchia với đường biên giới dài khoảng 120 km, qua hai cửa khẩu là cửa khẩu Đắk Per thuộc huyện Đắk Mil và Bup'rang thuộc địa phận huyện Tuy Đức.

Đắk Nông nằm trọn trên cao nguyên M'Nông, với độ cao trung bình từ 600 mét đến 700 mét so với mặt nước biển. Nhìn chung địa hình Đắk Nông chạy dài và thấp dần từ đông sang tây. Đây là nơi có vị trí quan trọng về kinh tế, xã hội, an ninh Quốc phòng; có nhiều tài nguyên thiên nhiên quý.

2.2.1.2. Về điều kiện kinh tế - xã hội

Đắk Nông có 8 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 7 huyện và một Thị xã. Dân số tỉnh Đắk Nông trên 543.000 người. Trong đó dân số sống tại thành thị đạt gần 78.300 người, dân số sống tại nông thôn đạt 438.000 người. Dân số nam đạt 272.900 người, trong khi đó nữ đạt 243.400 người. Mật độ dân số đạt 79 người/km² (theo số liệu điều tra dân số năm 2012).

Năm 2011, tốc độ tăng trưởng GDP của Đắk Nông đạt 12,13%, trong đó khu vực công nghiệp xây dựng tăng 22,09%, nông lâm thủy sản tăng 5,95%, dịch vụ tăng 14,42%. Về Cơ cấu kinh tế năm 2011, công nghiệp xây dựng chiếm 26,66%, nông lâm thủy sản 50,21% và dịch vụ 23,13%. GDP theo giá hiện hành đạt 10.048 tỷ, tăng 1.619,5 tỷ so với năm 2010. Trong đó GDP ngành nông nghiệp 5.045 tỷ đồng, chiếm 50,2% so với giá trị tổng sản phẩm toàn tỉnh. GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 18,96 triệu đồng (kế hoạch 16,95 triệu đồng).

Trong những năm qua Đắk Nông đã quy hoạch xây dựng nhiều khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; các dự án lớn đã được đầu tư xây dựng tại tỉnh nhà như dự án nhà máy luyện kim alumin tại Nhân cơ; nhà máy MDF tại Đắk Song...

Nhìn chung, sự tăng trưởng kinh tế những năm qua của tỉnh Đắk Nông từng bước đời sống nhân dân được cải thiện, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới. Mặc dù vậy, đời sống nhân dân cũng còn gặp không ít khó khăn vì sản phẩm cây công nghiệp làm ra chưa có đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh phụ thuộc vào giá cả tại nước ngoài.

2.2.1.3. Về điều kiện văn hóa - xã hội

Đắk Nông là một tỉnh dân cư sinh sống tập trung chủ yếu ở nông thôn có 40 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong đó đông nhất là người kinh với 332.431 người; xếp thứ hai là người MNông với 39.964 người và các dân tộc khác.

Vùng đất này có nền văn hóa cổ truyền khá đa dạng của nhiều dân tộc đậm nét truyền thống và bản sắc riêng. Nơi đây còn lưu giữ nhiều pho sử thi truyền miệng rất độc đáo như sử thi Đam San dài hàng ngàn câu. Các luật tục cổ, kiến trúc nhà sàn, nhà rông và tượng nhà mồ còn chứa bao điều bí ẩn đầy hấp dẫn. Có các lễ hội độc đáo còn nguyên chất dân gian như cả buôn làng cầm tay nhau nhảy múa bên đồng lửa theo nhịp của công chiêng, hay những lễ hội đâm trâu...

2.2.1.4. Về trật tự an toàn xã hội

Trong những năm qua, xu thế hội nhập mở cửa đất nước, bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, tỉnh Đắk Nông cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ, ảnh hưởng đến sự phát triển của tỉnh về an ninh chính trị xã hội. Tỉnh Đắk Nông là tỉnh có diện tích rộng còn nhiều rừng tự nhiên, đất đai còn nhiều chưa được khai phá mà dân cư lại thưa thớt, hơn nữa thổ nhưỡng của Đắk Nông đất đỏ Bazan thích hợp cho việc trồng các cây nông nghiệp dài ngày như cà phê; tiêu; điều; ca cao; cao su... có giá trị kinh tế cao. Vì vậy số lượng dân nhập cư lớn từ nơi khác đổ về Đắk Nông vào những vụ mùa thu hoạch, hay những kẻ đến phá rừng làm nương rẫy... nên tiềm ẩn nhiều loại tội phạm xảy ra trên địa bàn. Bên cạnh đó những loại tội phạm về ma túy, giết người, cướp tài sản... vẫn đang diễn ra phức tạp. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra cho các cơ quan tư pháp của tỉnh ngày càng khó khăn hơn.

2.2.2. Tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông chịu sự chỉ đạo thống nhất của Tòa án nhân dân Tối cao. Cơ cấu của Tòa án nhân dân tỉnh gồm 8 Tòa án nhân dân huyện, thị xã và 7 Tòa, phòng chuyên trách thuộc tòa án nhân dân tỉnh. Đơn vị cấp huyện có nhiều biên chế là Tòa án nhân dân Thị xã Gia Nghĩa 16 người; đơn vị Tòa án cấp huyện có ít biên chế là Tòa án nhân dân huyện Krông Nô là 8 người.

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông được giao tổng chỉ tiêu biên chế là 141 người (bao gồm cấp huyện, thị xã là 94 người; cấp tỉnh là 47 người). Trong số đó:

- Cán bộ nữ 58 người (chiếm 41,13%).
- Số cán bộ là người dân tộc thiểu số là 16 người (chiếm 11,34 %).
- Thẩm phán sơ cấp 42 người (chiếm 29,78% so với tổng biên chế).
- Thẩm phán Trung cấp 10 người. (chiếm 7,09 %).
- Thẩm tra viên và Thư ký Tòa án 80 người (chiếm 56,73%).

Về trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ:

- Số cán bộ Tòa án tỉnh Đắk Nông là đảng viên là 93 người.
- Số cán bộ có bằng cử nhân Luật là 130 người (chiếm 92,19 %).
- Số cán bộ có trình độ lý luận chính trị từ Cao cấp, Cử nhân là 20 người (chiếm 14,18 %).
- Số cán bộ có trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp là 111 người (chiếm 78,72 %).
- Số cán bộ có học vị thạc sỹ là 02 người (chiếm 1,41 %).
- Số cán bộ đang tham gia học thạc sỹ là 07 người (chiếm 4,96 %).
- Số cán bộ đã qua đào tạo nghiệp vụ xét xử là 56 người (chiếm 39,71 %).

Về bộ máy Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

Bảng 2.1: Thống kê số liệu Cán bộ Công chức TAND tỉnh Đắk Nông tính đến ngày 10/07/2014

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tỉnh</i>	<i>Huyện, Thị xã</i>	<i>Tổng số</i>
1	Tổng số biên chế (người)	47	94	141
2	Số cán bộ là nữ	16	42	58
3	Tổng số cán bộ là đảng viên	34	59	93
4	Tổng số cán bộ là dân tộc ít người	2	11	16
5	Tổng số Thẩm phán trung cấp	10	0	10
6	Tổng số Thẩm phán sơ cấp	0	42	42
7	Tổng số Thẩm tra viên và thư ký tòa án	31	49	80
8	Tổng số cán bộ đã được đào tạo qua trình độ cử nhân luật.	42	88	130
9	Tổng số cán bộ đã có bằng tiến sĩ	0	0	0
10	Tổng số cán bộ đã có bằng thạc sĩ	1	1	2
11	Tổng số cán bộ đã qua đào tạo lý luận chính trị từ cao cấp, cử nhân trở lên	12	8	20
12	Tổng số cán bộ đã qua đào tạo lý luận chính trị từ trung cấp trở lên	31	80	111
13	Số cán bộ đang học cao học	2	5	7
14	Số cán bộ đã qua đào tạo nghiệp vụ xét xử	11	45	56
15	Số Thẩm phán là đảng viên	10	42	52

(Nguồn: Phòng Tổ chức cán bộ - Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông).

2.2.3. Những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, xã hội, tổ chức ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng trong xét xử

Do đặc điểm vị trí địa lý, kinh tế - xã hội và tổ chức bộ máy Tòa án của tỉnh Đắk Nông đã tạo ra những thuận lợi và khó khăn làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng tranh tụng trong xét xử theo luật tố tụng Hình sự Việt Nam.

2.2.4. Tình hình xét xử từ năm 2010 – 2014 trên địa bàn Tỉnh Đắk Nông

2.2.4.1. Số vụ án được đưa ra xét xử

Bảng 2.2: Số vụ án được xét xử

<i>Vụ Năm</i>	<i>Sơ thẩm</i>	<i>Phúc thẩm</i>		<i>Giám đốc thẩm, tái thẩm</i>		<i>Tổng cộng</i>	
	(1)	(2)		(3)		(4)	
			Tỷ lệ % (2)/(1)		Tỷ lệ % (3)/(1)		Tỷ lệ % (4)/(1)
2010	650	115	17,69	3	0,46	768	118,15
2011	687	132	19,21	4	0,58	823	119,79
2012	791	137	17,31	3	0,37	931	117,69
2013	868	135	15,55	2	0,23	1.005	115,78
2014	805	119	14,78	1	0,12	925	114,90

(Nguồn: Phòng Tổng hợp - Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông).

Thông qua tình hình xét xử sơ thẩm phúc thẩm; giám đốc thẩm ở bảng số 2 thống kê những vụ án mà Tòa án nhân dân hai cấp thuộc tỉnh Đắk Nông đã giải quyết từ năm 2010 đến năm 2014 thì thấy:

- Số lượng vụ án được Tòa án nhân dân hai cấp thuộc tỉnh Đắk Nông giải quyết ngày càng tăng lên về số lượng cụ thể từ năm 2010 toàn ngành giải quyết 650 vụ án ở cấp sơ thẩm thì đến năm 2012 giải quyết 791 vụ án sơ thẩm tăng tăng 141 vụ chiếm 21,69%; năm 2013 giải quyết 868 vụ án tăng 218 vụ án chiếm 33,53%; năm 2014 thì giải quyết 805 vụ án tăng 155 vụ chiếm 23,84 %. Như vậy mỗi năm số lượng giải quyết các vụ án Hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Đắk Nông năm sau cao hơn năm trước với tỷ lệ trên hai mươi phần trăm số vụ án giải quyết của năm 2010.

- Chất lượng xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã được nâng lên rõ rệt. Theo bảng thống kê số lượng án phúc thẩm mà cấp tỉnh giải quyết do cấp huyện sơ thẩm thì thấy giảm đi rõ rệt. Cụ thể năm 2010 số vụ án phúc thẩm là 115 vụ án chiếm tỷ lệ 17,69 % so số vụ án đã sơ thẩm đã xét xử. Nhưng năm 2014 số án phúc thẩm mà Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết là 119 vụ chiếm tỷ lệ 14,78 % án sơ thẩm đã xét xử. Như vậy số án phúc thẩm mà Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết năm 2014 đã giảm so với năm 2010 là 2,91 %.

2.2.4.2. Số bị cáo được đưa ra xét xử

Bảng 2.3: Số bị cáo được xét xử

<i>Bị cáo</i>	<i>Sơ thẩm</i>	<i>Phúc thẩm</i>		<i>Giám đốc thẩm, tái thẩm</i>		<i>Tổng cộng</i>	
<i>Năm</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>		<i>(3)</i>		<i>(4)</i>	
			Tỷ lệ % (2)/(1)		Tỷ lệ % (3)/(1)		Tỷ lệ % (4)/(1)
2010	1.113	250	22,46	10	0,89	1.373	123,36
2011	1.276	198	15,51	6	0,47	1.480	115,98
2012	1.583	222	14,02	3	0,18	1.808	114,21
2013	1.883	270	14,33	2	0,10	2.155	114,44
2014	1.640	175	10,67	1	0,006	1.816	110,73

(Nguồn: Phòng Tổng hợp - Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông).

Qua số liệu thống kê ở bảng 3 về số bị cáo được xét xử từ năm 2010 đến năm 2014 thì thấy số lượng các bị cáo được đưa ra xét xử hàng năm tăng lên đáng kể. Cụ thể so với năm 2010 thì năm 2012 tăng 470 bị cáo với tỷ lệ 42,22 %. Năm 2013 tăng 770 bị cáo chiếm tỷ lệ 68,87 %.

Qua số liệu ở bảng 2 và số liệu ở bảng 3 thấy:

Năm 2013 số lượng vụ án giải quyết ở cấp sơ thẩm cao hơn 218 vụ án tăng 33,53 % so với số lượng vụ án giải quyết ở cấp sơ thẩm năm 2010. Nhưng số lượng bị cáo bị đưa ra xét xử thì khác nhau. Năm 2013 số bị cáo bị đưa ra xét xử cao hơn số bị cáo bị đưa ra xét xử năm 2010 là 770 bị cáo tăng 69,18 %. Từ những số liệu trên cho thấy hàng năm tội phạm ngày càng gia tăng cả về số vụ án lẫn số bị cáo.

2.2.4.3. Những bản án bị hủy do vi phạm thủ tục phiên tòa

Trong thời gian qua công tác giải quyết án của tỉnh Đắk Nông đạt kết quả và lượng cao, việc thông qua tranh tụng trong xét xử. Nhưng cũng không tránh khỏi những vụ án bị cấp phúc thẩm hủy do vi phạm thủ tục tại phiên tòa cụ thể:

2.2.5. Tình hình tham gia tranh tụng của luật sư tại phiên tòa ở Đắk Nông

2.2.5.1. Số lượng luật sư của Đoàn luật sư Đắk Nông

Tổng số luật sư và luật sư tập sự là 17. Trong đó:

+ Luật sư chính thức: 15.

+ Luật sư tập sự 02.

2.2.5.2. Tổ chức hành nghề luật sư

Gồm 06 tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động:

+ Văn phòng luật sư PHAN ANH CẢNH;

+ Văn phòng luật sư KHANG HUY;

+ Văn phòng luật sư HỒNG HÀ;

- + Văn phòng luật sư NINH VIẾT KHOA;
- + Công ty TNHH luật TRI THẮNG;
- + Văn phòng luật sư NGUYỄN THANH HUY.

2.2.5.3. Về địa bàn hoạt động

- + 01 văn phòng đăng ký hoạt động tại huyện Đắk R' Lấp.
- + 01 văn phòng và 01 công ty luật hoạt động tại huyện Đắk Mil.
- + 03 văn phòng hoạt động tại thị xã Gia Nghĩa.

2.2.5.4. Công tác bào chữa án chỉ định và Trung tâm trợ giúp pháp lý giới thiệu

Bảng 2.4: Các đối tượng là người chưa thành niên và bị truy tố đến khung hình phạt đến tử hình

<i>TT</i>	<i>Tên cơ quan đơn vị yêu cầu</i>	<i>Số vụ</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Cơ quan Điều tra công an cấp tỉnh và huyện, thị xã	177	
2	Cơ quan Viện kiểm sát cấp tỉnh và huyện, thị xã	01	
3	Cơ quan Tòa án cấp tỉnh và huyện, thị xã	99	
Tổng số		297	

2.2.5.5. Dịch vụ pháp lý do cá nhân, cơ quan tổ chức yêu cầu

Bảng 2.5: Số vụ, việc do cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu

<i>TT</i>	<i>Tên dịch vụ pháp lý do cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu</i>	<i>Số vụ, việc</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Án Hình sự	57 vụ	
2	Án Dân sự	56 vụ	
3	Án Kinh doanh thương mại	56 vụ	
4	Án Hành chính	4 vụ	
5	Đại diện theo ủy quyền	9 việc	
6	Tư vấn pháp luật	3.577 việc	

(Nguồn: Báo cáo công tác nhiệm kỳ III (2010 - 2013) đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông)

2.2.5.6. Số lượng tham gia của luật sư tại phiên tòa

Bảng 2.6: Số lượng tham gia của luật sư tại phiên tòa

<i>Năm</i>	<i>Sơ thẩm</i>	<i>Phúc thẩm</i>		<i>Giám đốc thẩm, tái thẩm</i>		<i>Tổng cộng</i>	
	<i>(1)</i>		<i>(2)</i>		<i>(3)</i>		<i>(4)</i>
			Tỷ lệ % (2)/(1)		Tỷ lệ % (3)/(1)		Tỷ lệ % (4)/(1)
2010	43	15	34,88	0	0	58	134,88
2011	42	15	35,71	0	0	57	135,71
2012	49	10	20,40	0	0	59	124,40
2013	36	10	27,77	0	0	46	127,77
2014	34	5	14,70	0	0	39	114,70

(Nguồn: Phòng Tổng hợp - Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông).

2.2.6. Một số phiên tòa điển hình của việc xét xử theo hướng tranh tụng tại Đắk Nông

2.2.6.1. Phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp

Trong thời gian qua ngành Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông phối hợp cùng với Viện kiểm sát đã đưa ra nhiều vụ án Hình sự xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp. Cụ thể hàng năm ở cấp huyện mỗi đơn vị đưa ra xét xử từ 5 đến 10 vụ án. Đối với cấp tỉnh thì đưa ra xét xử từ 10 vụ đến 15 vụ.

Sau khi tổ chức các phiên tòa trên, nhìn chung những người đến tham dự phiên tòa, những người quan tâm đến phiên tòa đã có những nhận xét khá tốt. Mặc dù còn có nhiều ý kiến chưa hoàn toàn tán thành nhưng thành công về kết quả của các phiên tòa trên là đáng ghi nhận. Dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa đã thể hiện được việc đề cao tinh thần dân chủ, công khai tại phiên tòa.

2.2.6.2. Một số phiên tòa còn hạn chế khi thực hiện tranh tụng

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhưng bên cạnh những phiên tòa xét xử đúng với tinh thần tranh tụng còn có những phiên tòa không đạt yêu cầu như việc áp dụng các thủ tục tố tụng, điều khiển phiên tòa, viết bản án...cũng như các hoạt động khác của Tòa án, thực ra mới đạt yêu cầu ở việc áp dụng mức hình phạt, ở đường lối xét xử, còn tác dụng giáo dục phòng ngừa chung, tôn vinh tính tối cao của pháp luật thông qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa mà cụ thể là hoạt động của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, qua bản án hoặc bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân, thì còn chưa đạt yêu cầu của công tác xét xử. Tranh tụng tại phiên tòa trong giai đoạn hiện nay còn có những bất cập, hạn chế như vậy không khỏi khiến những người học luật và làm công tác luật phải băn khoăn suy nghĩ, việc tìm ra nguyên nhân của những hạn chế đó nhằm góp một tiếng nói trong việc hoàn thiện tranh tụng, nâng cao hiệu quả tranh tụng là nhiệm vụ của mỗi chúng ta.

2.3. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ

2.3.1. Về pháp luật

Việc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự, bên cạnh một số thành công vẫn còn những hạn chế mà nguyên nhân đầu tiên thuộc về những quy định của pháp luật hiện hành thể hiện trên các khía cạnh sau:

Trước hết, trong BLTTHS hiện hành chưa quy định tranh tụng là một nguyên tắc của hoạt động xét xử của TTHS, vì vậy trong từng điều luật tại các chương về xét xử cũng chưa thể hiện hết toàn bộ tinh thần của tranh tụng và như thế việc đảm bảo cho tranh tụng tại phiên tòa chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

2.3.2. Nguyên nhân khác

- Trong tất cả những nguyên nhân dẫn đến việc tranh tụng tại phiên tòa

không đúng với tinh thần tranh tụng nổi lên một nguyên nhân cơ bản đó là yếu tố con người. Những sai lầm trong việc xét xử oan sai, là một sai lầm nghiêm trọng và tại phiên tòa nó được thực hiện bởi Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên. Hiện nay còn có những trường hợp mà năng lực, phẩm chất của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Hội thẩm nhân dân không đạt yêu cầu. Trong đó vấn đề cơ bản nhất là ý thức trách nhiệm, bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp của một số người tiến hành tố tụng chưa cao, một số khác thì sa sút về phẩm chất đạo đức, không chịu rèn luyện bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1.1. Bất cập qui định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử

Hiến pháp 2013, lần đầu tiên qui định nguyên tắc “*bảo đảm tranh tụng trong xét xử*” (khoản 5 Điều 102). Nguyên tắc này đáp ứng được yêu cầu của dân chủ, minh bạch trong hoạt động TTHS, bảo đảm công bằng trong quá giải quyết vụ án, đặc biệt trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, góp phần bảo đảm quyền con người. BLTTHS 2003, chưa qui định nguyên tắc này, do đó cần bổ sung khi hoàn thiện BLTTHS trong thời gian tới.

Khi “bảo đảm tranh tụng trong xét xử” là nguyên tắc cơ bản của luật TTHS, nó đòi hỏi sự hiện diện và hoàn thiện của hàng loạt nguyên tắc khác trong TTHS, như nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa, nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng...

Ngoài ra, những qui định về bảo đảm chất lượng tranh tụng tại phiên tòa làm căn cứ cho việc ra bản án của tòa án còn chưa cụ thể nên dẫn đến việc tranh tụng còn mang tính hình thức chưa đáp ứng được tinh thần Nghị quyết 08 và Nghị quyết 49 về Chiến lược cải cách tư pháp. Vì vậy, việc hoàn thiện BLTTHS, cũng như các văn bản pháp luật TTHS khác là đòi hỏi cấp thiết trong việc bảo đảm và nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa trong hoạt động xét xử vụ án hình sự.

3.1.2. Hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của nguyên tắc bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa

Bên cạnh những thành quả đạt được, thì hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa theo qui định của BLTTHS 2003. Những hạn chế này thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm, còn dễ xảy ra vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án

- Hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chưa thực sự bảo đảm dân chủ trong quá trình giải quyết vụ án, quyền con người, quyền công dân chưa được tôn trọng và bảo đảm, oan, sai trong TTHS vẫn xảy ra.

- Chất lượng tranh tụng tại một số phiên tòa còn hạn chế; một số Kiểm sát viên còn thụ động trong xét hỏi, thiếu nhanh nhạy trong xử lý tình huống, tranh tụng chưa thực sự thuyết phục, nhất là các vụ án “ủy quyền” công tố, do Kiểm sát viên không nắm chắc hồ sơ, không kịp thời điều chỉnh quan điểm truy tố theo diễn biến tại phiên tòa, chỉ bảo vệ cáo trạng trong khuôn khổ được ủy quyền.

- Quá trình thực hiện các quy định của BLTTHS về tranh luận tại một số phiên tòa còn mang tính hình thức, do không có luật sư tham gia. Còn tình trạng các luật sư chỉ định tham gia bào chữa chưa đề cao trách nhiệm. Đáng chú ý những năm gần đây, việc luật sư xin rút hoặc tự ý bỏ về khi phiên tòa đang diễn ra để bày tỏ thái độ phản đối đã xảy ra không ít, dẫn đến phải hoãn phiên tòa, trích xuất bị cáo đang bị tạm giam nhiều lần rất tốn kém.

- Chất lượng tham gia xét xử của Hội thẩm nhân dân còn hạn chế, ít tham gia thẩm vấn, chưa phát huy hết vai trò của Hội thẩm, ảnh hưởng đến hoạt động xét xử nói chung và chất lượng tranh tụng nói riêng; (6)

- Hiện nay, quan niệm về quyền bình đẳng trước pháp luật và trước Tòa án vẫn chỉ là nguyên tắc được ghi nhận, chứ chưa thật sự được các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng tuân thủ trong thực tế mà thực chất đó là những qui định bảo đảm cho việc tranh tụng tại phiên tòa; vẫn còn tình trạng “quan thì xử nhẹ, dân thì xử nặng”

3.1.3. Yêu cầu triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng về chiến lược cải cách tư pháp và Hiến pháp 2013

Nghị quyết Đại hội Đảng các khóa VII, IX, X và XI đã đưa ra những định hướng về cải cách bộ máy nhà nước trong đó có các cơ quan tư pháp. Trên cơ sở đó để tiếp tục quá trình cải cách tư pháp, ngày 2/1/2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về “*một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”, trước nhiệm vụ phát triển và bảo vệ đất nước, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngày 2/6/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 49-

NQ/TW về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”. Nghị quyết nêu rõ các quan điểm chỉ đạo, phương hướng và nhiệm vụ cải cách tư pháp, trong đó có nội dung phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp theo hướng gọn nhẹ, có hiệu quả trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm, dân chủ, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, không bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội.

- Đổi mới mô hình tổ tụng hình sự theo hướng mở rộng tranh tụng, bảo dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch trong hoạt động TTHS, khắc phục oan sai trong TTHS.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong TTHS góp phần đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm xuyên quốc gia.

Triển khai thực hiện chiến lược cải cách tư pháp và Hiến pháp 2013 thì việc bảo đảm tranh tụng trong xét xử là yêu cầu tất yếu đang đặt ra.

3.2. HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2003 VỀ BẢO ĐẢM TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ

3.2.1. “Bảo đảm tranh tụng trong xét xử” phải được quy định là nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự

Trên tinh thần Nghị quyết 08, Nghị quyết 49 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp và triển khai quy định của Hiến pháp 2013, trên nền tảng của tố tụng thẩm vấn, tiếp thu tối đa những điểm phù hợp của mô hình tố tụng tranh tụng hướng tới mục đích phát hiện chính xác, nhanh chóng mọi tội phạm xử lý khách quan, công minh theo quy định của pháp luật, không bị lọt tội phạm và không làm oan người vô tội thì cần phải bổ sung nguyên tắc: “*Bảo đảm việc tranh tụng trong xét xử và một số hoạt động tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa là căn cứ để Tòa án ra bản án và quyết định*”. Việc quy định nguyên tắc cơ bản này phù hợp với mô hình tố tụng đan xen, đồng thời phát huy được tính dân chủ, khách quan của quá trình giải quyết vụ án, hỗ trợ cho nguyên tắc công khai, minh bạch trong hoạt động TTHS. Mặt khác, nguyên tắc này còn có khả năng hạn chế sự lạm quyền của Cơ quan THTT, người THTT xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng khi họ tiến hành tố tụng. Nguyên tắc này có những nội dung sau: *Thứ nhất*, tranh tụng là thủ tục bắt buộc trong phiên tòa xét xử vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, người hành tố tụng, luật sư và những người tham gia phiên tòa có quyền và trách nhiệm tranh tụng bình đẳng tại phiên tòa; *Thứ hai*, bản án và các quyết định của tòa án phải dựa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa; *Thứ ba*, mở rộng tối đa một cách

hợp lý những hoạt động trong giai đoạn điều tra, truy tố theo nguyên tắc tranh tụng; *Thứ tư*, qui định thêm quyền hạn của người bào chữa, nhất là trong các hoạt động thu thập chứng cứ để họ có thể tranh tụng bình đẳng với cơ quan buộc tội tại phiên tòa; *Thứ năm*, Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có nghĩa vụ tạo điều kiện cho người bào chữa tham gia tố tụng thực hiện quyền bào chữa của họ, qui định cụ thể những trường hợp người bào chữa không được tham gia hoặc hạn chế sự tham gia của họ vào các hoạt động tố tụng do yêu cầu của việc giải quyết vụ án hình sự.

3.2.2. Bổ sung, hoàn thiện các qui định hỗ trợ cho việc “bảo đảm tranh tụng trong xét xử”

Để nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng tại phiên tòa, bên cạnh việc ghi nhận nguyên tắc “bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa” cần hoàn thiện, bổ sung những qui định khác nhằm cụ thể hoá những quy định về tranh tụng tại phiên tòa, tạo ra cơ chế thích hợp và hiệu quả cho quá trình tranh tụng trong xét xử, đó là:

- Cần loại bỏ những trách nhiệm, nghĩa vụ tố tụng không thuộc chức năng xét xử của tòa án để bảo đảm chất lượng tranh tụng trong xét xử. Đó là: *Thứ nhất*, Nguyên tắc trách nhiệm khởi tố vụ án và xử lý vụ án hình sự (Điều 13 BLTTHS 2003). Nguyên tắc này qui định trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự thuộc về Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. *Thứ hai*, Nguyên tắc “xác định sự thật của vụ án” (Điều 10 BTTHS 2003). Nguyên tắc này qui định “*Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội*”.

- Thực tế cho thấy quyền nhờ người khác bào chữa cho bị can vẫn chưa được cơ quan tiến hành tố tụng thật sự tôn trọng, nhất là đối với cơ quan điều tra. Thậm chí ở một số nơi, việc thực hiện quyền này vẫn đang là sự thách đố đối với bị can, người đại diện hợp pháp của họ và người bào chữa. *Vì vậy để khắc phục tình trạng này trong mẫu giấy về quyết định tạm giữ, khởi tố bị can, nên in sẵn thông báo cho người bị tạm giữ, bị can biết quyền đó.*

Trước hết, họ phải có đơn mời người bào chữa cho bị can (đơn phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về nhân thân pháp lý của họ). Đơn này phải nộp cho cơ quan điều tra để lấy chữ ký của bị can đang bị tạm giam trong việc chấp nhận người bào chữa (chỉ khi có chữ ký của bị can, đơn mới hợp lệ). Khi có đủ các điều kiện này, Luật sư mới “đủ tư cách” đến cơ quan điều tra đăng ký bào chữa cho bị can. *Để khắc phục tình trạng này trong thủ tục mời người bào chữa chỉ cần có đơn có chữ ký của bị cáo là hợp lệ còn ai mời cho bị cáo cũng không quan trọng.*

Trường hợp người bào chữa tiếp xúc với bị can đều có điều tra viên hoặc giám thị ngồi bên cạnh, nên nếu dù họ bị bức cung hoặc dùng nhục hình thì vì thân phận và địa vị pháp lý của họ của họ mà không dám thổ lộ với người bào chữa. Vì vậy BLTTHS cần có quy định rõ những trường hợp Luật sư được tiếp xúc riêng với bị can mà không có sự giám sát của giám thị trại giam hoặc của điều tra viên.

Cần thiết phải quy định rõ Luật sư, bị cáo là một bên tranh tụng bình đẳng trong suốt quá trình xét xử.

Cần bổ sung: trong những trường hợp Luật sư vắng mặt vì trường hợp bất khả kháng ví dụ như tai nạn, bị bệnh...thì Toà án phải hoãn phiên toà. Trong trường hợp đó bị cáo có thể mời Luật sư khác. Nếu Toà án đã hoãn phiên toà theo thời hạn luật định mà Luật sư vẫn không thể có mặt được và bị cáo không mời Luật sư khác thì Toà án sẽ vẫn tiến hành xét xử.

Trong BLTTHS và các văn bản pháp luật khác cần quy định rõ trách nhiệm pháp lý của Luật sư bào chữa trước bị can, bị cáo trong những trường hợp Luật sư không làm tròn nghĩa vụ và chức năng nghề nghiệp của mình là bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo. Cũng cần xác định rõ thời điểm bắt đầu và kết thúc nghĩa vụ của Luật sư đối với bị can, bị cáo (Ví dụ từ thời điểm Luật sư nhận làm người bào chữa cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật). Để nâng cao chất lượng của đội ngũ Luật sư hiện nay cần quy định rõ tiêu chuẩn chuyên môn của người hành nghề Luật sư phải có bằng cử nhân luật, có thời gian làm thực tiễn từ 4 đến 6 năm trở lên, tuổi đời cũng cần giới hạn không quá 65 tuổi và phải qua sát hạch thi tuyển trước khi cấp giấy phép hành nghề Luật sư. Được như vậy thì trình độ của Luật sư mới được nâng lên, đảm bảo hoàn thành được một cách tốt nhất nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo.

3.2.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa

3.2.3.1. Giải pháp về đội ngũ cán bộ

- Đối với đội ngũ Thẩm phán, cần nghiên cứu bỏ hình thức xét tuyển bằng hình thức thi tuyển. Không chỉ thi tuyển vào ngạch Thẩm phán, mà phải thi tuyển từ Thẩm phán sơ cấp lên Thẩm phán trung cấp, từ trung cấp lên Thẩm phán cao cấp, từ cao cấp lên Thẩm phán tối cao.

- Đối với Công tố viên (kiểm sát viên hiện nay), ngoài kiến thức về kiểm sát điều tra thì phải có kiến thức điều tra và chỉ huy điều tra; năng lực, trình độ, kinh nghiệm xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Đồng thời, cũng cần thi tuyển như đối với Thẩm phán.

- Đối với Điều tra viên (là người trực tiếp thực hiện việc điều tra tội phạm) thì ngoài kiến thức pháp luật cần phải giỏi về nghiệp vụ điều tra, khám phá tội phạm, hiểu và sử dụng thành thạo các quy định của Bộ

luật tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ. Việc bổ nhiệm Điều tra viên cũng phải áp dụng hình thức thi tuyển như đối với Thẩm phán và Công tố viên.

- Đối với Luật sư, cần tăng về số lượng nhất là những địa bàn vùng sâu, xa như Đắk Nông, đoàn Luật sư tỉnh chỉ có 17 người thì không thể đáp ứng được yêu cầu tranh tụng trong quá trình giải quyết vụ án, bảo đảm được quyền của bị can, bị cáo. Đồng thời với việc tăng cường số lượng cần quan tâm đến chất lượng, chế độ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, thi tuyển phải bảo đảm các tiêu chuẩn về năng lực và đạo đức nghề nghiệp của Luật sư.

3.2.3.2. Hình thành văn hoá pháp lý về tranh tụng trong tố tụng hình sự

Chúng ta đang thực hiện cải cách tư pháp, mà một trong những vấn đề cần cải cách ngay có lẽ là “Văn hóa phiên tòa” - để phiên tòa không những là nơi xét xử mà còn là nơi giải thích và giáo dục pháp luật.

Thái độ ứng xử trong tranh tụng tại phiên tòa: Để thực hiện văn hóa pháp lý về tranh tụng, các bên trong tranh tụng cần phải giữ thái độ đúng mực. Về phía các Luật sư cũng có nhiều vấn đề cần phải bàn. Trong khi bảo vệ quyền lợi cho thân chủ của mình, đã có những Luật sư dùng những lời lẽ nặng nề nhằm vào cơ quan công tố hoặc chủ tọa phiên tòa, thậm chí có Luật sư còn có hành vi kích động, coi thường kiểm sát viên hay hội đồng xét xử. Những lời nói, hành vi diễn ra trong phiên tòa với sự thiếu kiềm chế đã làm cho chất lượng phiên tòa khó được đáp ứng được yêu cầu.

Văn phong diễn đạt và trình bày của Người bào chữa: Xét về văn phong diễn đạt của Luật sư trình bày tại phiên tòa đây cũng là một vấn đề tuy nhỏ nhưng khá ảnh hưởng tới uy tín tranh tụng của Luật sư.

3.2.3.3. Bảo đảm chế độ tiền lương và chính sách ưu đãi cho cán bộ

Để góp phần độc lập trong xét xử và tận tâm công tác của Thẩm phán cần nghiên cứu chế độ bổ nhiệm Thẩm phán suốt đời, (hiện nay nhiệm kỳ thứ 2 của Thẩm phán đã được nâng lên 10 năm), với chế độ chính sách lương cao để tránh những cám dỗ của cuộc sống khi xét xử, đồng thời quy định việc bãi miễn chỉ có thể được thực hiện thông qua việc cáo buộc.

Có như vậy mới đảm bảo đội ngũ cán bộ công chức nói chung tận tâm toàn ý với công việc của mình mà thực hiện nhiệm vụ được giao hiệu quả nhất.

3.2.3.4. Tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và ngành tòa án nói riêng

Hiện nay các trụ sở Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Đắk Nông nói riêng rất chật hẹp, các trụ sở chủ yếu là do mẫu cũ từ thời Bộ Tư pháp quản lý và xây dựng đã lâu nên đã xuống cấp trầm trọng, có những trụ sở phòng xét xử và phòng làm việc không đảm bảo diện tích phần nào ảnh

hưởng đến việc giải quyết các vụ án. Vì vậy các cấp ngành cần có sự phối hợp chặt chẽ, đề ra kế hoạch chi tiết từng bước giao đất và cấp kinh phí để xây dựng các cơ quan tư pháp tại các địa phương ngang tầm với vị thế theo như tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 06/2/2005 của Bộ Chính trị.

KẾT LUẬN

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của hoạt động tranh tụng trong xét xử như: khái niệm, đặc điểm, những điều kiện và yêu cầu của tranh tụng trong xét xử, cơ sở pháp lý quy định về tranh tụng tại phiên toà, ý nghĩa của tranh tụng trong xét xử.

- Sơ lược về lịch sử các quy định của luật TTHS Việt Nam về tranh tụng tại phiên toà. Trên cơ sở đó sơ bộ đánh giá được những điểm còn chưa đầy đủ của pháp luật về tranh tụng trong xét xử.

- Phân tích, đánh giá thực trạng tranh tụng trong xét xử ở Đắk Nông những năm gần đây, qua đó rút ra những mặt tích cực cũng như những tồn tại, hạn chế trong quá trình xét xử vụ án hình sự.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và những đánh giá về thực trạng tranh tụng trong xét xử ở Đắk Nông, luận văn nêu ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng tại phiên toà xét xử vụ án hình sự. Những giải pháp này góp phần nâng cao hiệu quả tranh tụng trong xét xử giữa Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa, phát huy được tối đa mặt tích cực của nó thì cần có sự nghiên cứu sâu sắc cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn áp dụng tranh tụng trong xét xử.

Tranh tụng trong xét xử là một vấn đề lớn trong luật tố tụng hình sự. Tính phức tạp và nhiều mặt về nội dung, về sự thể hiện của nó không chỉ ở giai đoạn xét xử đã là những khó khăn cho những người nghiên. Vì nhiều lý do, đề tài này chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu một cách triệt để và toàn diện tất cả những vấn đề đang được thực tiễn xây dựng và áp dụng pháp luật đặt ra. Những kết quả khiêm tốn của đề tài này hy vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ bé về mặt lý luận và thực tiễn trong việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự, góp phần thực hiện thành công công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đề ra.